

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-ST
Ngày 27/12/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Xuân Thịnh

2. Bà Nguyễn Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST-DS ngày 14/10/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-DS ngày 25/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐST-DS ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang và anh Đinh Viết Q, sinh năm 1988; tạm trú: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Chị và vợ chồng anh Q, chị N có mối quan hệ quen biết qua một số lần làm ăn với nhau.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, anh Q có hỏi chị cho anh Q vay nóng số tiền 20.000.000 đồng để anh Q nộp tiền chuyển nhượng đất, anh Q hẹn đến ngày 15/3/2021 sẽ trả số tiền 20.000.000 đồng cho chị. Do tin tưởng nên chị đã đồng ý cho anh Q vay số tiền 20.000.000 đồng. Khi cho vay thì hai bên không lập biên bản và không thoả thuận lãi suất mà chị cho anh Q vay theo hình thức chuyển khoản. Chị chuyển khoản cho anh Q số tiền 20.000.000 đồng từ số tài khoản của chị là 19001010730136 (Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam) qua số tài khoản của anh Q là 0731000768448 (Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam-

Vietcombank). Chị chuyển hai mã cho anh Q, mỗi mã là 10.000.000 đồng, chuyển cùng ngày 11/3/2021. Số tiền này là của riêng chị, khi chị cho anh Q vay thì chồng chị không biết và không liên quan đến chồng chị. Số tiền anh Q vay chị là anh Q nói hai vợ chồng anh Q cùng vay để làm ăn, vì vậy chị xác định đây là nợ chung của anh Q và chị N. Sau ngày 15/3/2021, anh Q không trả cho chị theo như đã thoả thuận và chị đã gọi điện đòi anh Q nhưng chị N vợ anh Q nói với chị là để cho vợ chồng chị N nợ thêm một thời gian nữa, sau đó sẽ thu xếp trả cho chị.

Tiếp theo, ngày 16/4/2021, chị N hỏi vay chị số tiền 80.000.000 đồng, mục đích chị Ngọc vay tiền của chị là để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Chị Ngọc hẹn chị là 3 tháng sau sẽ trả chị số tiền 80.000.000 đồng này và 20.000.000 đồng anh Q vay ngày 11/3/2021. Chị N hẹn 3 tháng sau sẽ trả cho chị đủ cả số tiền 100.000.000 đồng, chị đã đồng ý tiếp tục cho chị N vay 80.000.000 đồng. Khi cho vay thì hai bên không lập biên bản và không thoả thuận lãi suất mà chị cho chị N vay theo hình thức chuyển khoản 40.000.000 đồng và tiền mặt 40.000.000 đồng. Chị chuyển khoản cho chị N số tiền 40.000.000 đồng từ số tài khoản của chị là 19001010730136 (Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam) qua số tài khoản của chị Ngọc là 19033013259018 (Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam-Techcombank). Chị chuyển hai mã cho chị N, mỗi mã là 20.000.000 đồng, chuyển cùng ngày 16/4/2021. Số tiền này là của riêng chị, khi chị cho chị N vay thì chồng chị không biết và không liên quan đến chồng chị. Số tiền chị N vay chị là chị N nói hai vợ chồng chị N cùng vay để làm ăn, vì vậy chị xác định đây là nợ chung của anh Q và chị N.

Đến tháng 9/2021, sau khi quá thời hạn thoả thuận giữa hai bên mà không thấy vợ chồng anh Q trả chị số tiền trên nên chị đã liên lạc với chị N để yêu cầu chị N phải trả cho chị tổng số tiền là 100.000.000 đồng nhưng chị N chỉ nói vâng và hứa sẽ trả tiền cho chị. Đến tháng 02/2022, chị N có chuyển khoản trả cho chị được số tiền 10.000.000 đồng. Từ đó đến nay vợ chồng chị N chưa trả cho chị thêm được đồng nào. Bản thân chị đã gọi điện, nhắn tin rất nhiều lần để yêu cầu vợ chồng chị N trả tiền cho chị nhưng vợ chồng chị N chỉ khất lần. Chị đã đến tận nhà vợ chồng chị N để đòi số tiền trên nhưng không gặp vợ chồng chị N.

Nay, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Q và chị N phải có trách nhiệm trả cho chị tổng số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng, chị tự nguyện không yêu cầu lãi suất.

Ngoài ra, chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu nào khác.

** Theo lời khai tại hồ sơ, bị đơn là chị Trần Thị N trình bày:*

Giữa chị và chị Nguyễn Thị T là chị em quen biết và có quan hệ làm ăn với nhau. Chị không nhớ cụ thể ngày nhưng khoảng tháng 4/2021 chị có hỏi chị T cho chị vay tiền thì chị T có cho chị biết anh Q là chồng chị có hỏi vay của chị T 20.000.000 đồng. Chị có hỏi chị T cho chị vay thêm 80.000.000 đồng, tổng thành vợ chồng chị vay của chị T 100.000.000 đồng. Mục đích vay để làm ăn kinh doanh. Chị có hẹn chị T 3 tháng sau chị trả cả 100.000.000 đồng. Chị T có chuyển khoản cho chị 40.000.000 đồng và đưa cho chị tiền mặt 40.000.000 đồng. Bản chất 80.000.00

đồng chị vay của chị T là tiền chị T chung vốn với chị để làm ăn nhưng sau đó chị T không chung vốn nữa mà rút vốn về thì chị bảo là để chị vay lại số tiền đó. Đến hạn thỏa thuận chị không trả được tiền cho chị T. Tháng 2 năm 2022, chị có trả cho chị T 10.000.000 đồng tiền gốc qua hình thức chuyển khoản. Nay chị T yêu cầu chị và anh Q cùng có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng chị đồng ý trả nhưng chị đề nghị cho chị được trả dần. Hiện nay tình hình kinh tế của chị rất khó khăn, hàng tháng chị cố gắng thu xếp được từng nào chị sẽ trả cho chị T từng đó.

Ngoài ra chị Trần Thị N không có ý kiến nào khác.

** Theo lời khai tại hồ sơ, bị đơn là anh Đinh Viết Q trình bày:*

Ngày 11/3/2021, anh có vay của chị T 20.000.000 đồng, chị T chuyển khoản cho anh qua tài khoản ngân hàng. Sau đó khoảng thời gian ngắn, vào khoảng tháng 4/2021 thì chị N là vợ anh có vay thêm của chị T 80.000.000 đồng, tổng cộng vợ chồng anh vay của chị T 100.000.000 đồng.

Tháng 02/2022, vợ anh là chị N đã chuyển khoản trả chị T 10.000.000 đồng, còn nợ lại 90.000.000 đồng. Nay chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả 90.000.000 đồng thì anh đồng ý trả nhưng anh nhất trí với ý kiến của chị N là cho vợ chồng anh trả dần, hàng tháng anh chị sắp xếp được bao nhiêu sẽ trả cho chị T từng đó vì hiện tại điều kiện kinh tế của anh rất khó khăn.

Ngoài ra anh Đinh Viết Q không có ý kiến nào khác.

- Ngày 17/11/2022, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ngày 24/11/2022, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là **chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; **chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do**, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 385, 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; đề:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, buộc chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 2.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và anh Đinh Viết Q phải chịu 2.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là **chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt**; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: **Chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q** có địa chỉ cư trú tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện **anh Đinh Viết Q** có vay của chị Nguyễn Thị T số tiền là 20.000.000 đồng; chị **Trần Thị N** có vay của chị Nguyễn Thị T số tiền là 80.000.000 đồng, đến nay chị N và anh Q đã trả chị T được 10.000.000 đồng. Ngày 07/10/2022, chị T nộp đơn khởi kiện ra Tòa án. Vì vậy, tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án*:

[4.1] Ngày 11/3/2021, anh Đinh Viết Q có vay của chị Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng, khi vay chị T đã chuyển tiền cho anh Q theo hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của chị T là 19001010730136 (Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam) qua số tài khoản của anh Q là 0731000768448 (Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam-Vietcombank). Chị T chuyển hai mã cho anh Q, mỗi mã là 10.000.000 đồng, chuyển cùng ngày 11/3/2021. Hai bên không lập biên bản, không thoả thuận lãi suất và thoả thuận thời hạn vay đến ngày 15/3/2021 anh Q sẽ trả cho chị T.

Ngày 16/4/2021, chị Trần Thị N có vay của chị Nguyễn Thị T số tiền 80.000.000 đồng, khi vay chị T đã chuyển tiền cho chị N hình thức chuyển khoản 40.000.000 đồng và tiền mặt 40.000.000 đồng. Chị T chuyển khoản cho chị N số tiền 40.000.000 đồng từ số tài khoản của chị T là 19001010730136 (Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam) qua số tài khoản của chị N là 19033013259018 (Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam-Techcombank). Chị T chuyển hai mã cho chị N, mỗi mã là 20.000.000 đồng, chuyển cùng ngày 16/4/2021. Hai bên không lập biên bản, không thoả thuận lãi suất và có hạn 3 tháng sau sẽ trả.

Tháng 02/2022, chị N đã trả cho chị T được số tiền là 10.000.000 đồng.

Nay, chị T đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị N và anh Q phải có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng.

[4.2] *Về lãi suất*: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện không yêu cầu chị N và anh Q

phải trả lãi suất cho chị T.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T thì thấy:

- Ngày 11/3/2021, anh Đinh Viết Q có vay của chị Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng, khi vay chị T đã chuyển tiền cho anh Q theo hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của chị T là 19001010730136 (Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam) qua số tài khoản của anh Q là 0731000768448 (Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam-Vietcombank).

Ngày 16/4/2021, chị Trần Thị N có vay của chị Nguyễn Thị T số tiền 80.000.000 đồng, khi vay chị T đã chuyển tiền cho chị N hình thức chuyển khoản 40.000.000 đồng và tiền mặt 40.000.000 đồng. Chị T chuyển khoản cho chị N số tiền 40.000.000 đồng từ số tài khoản của chị T là 19001010730136 (Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam) qua số tài khoản của chị N là 19033013259018 (Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam-Techcombank).

Tháng 2/2022, chị N đã trả cho chị T được số tiền là 10.000.000 đồng.

Nay, chị T đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị N và anh Q phải có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng.

- Chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q thừa nhận có vay của chị Nguyễn Thị T tổng số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, anh chị đã trả cho chị T được 10.000.000 đồng.

Nay chị N và anh Q đồng ý trả cho chị T tổng số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng nhưng anh chị đề nghị cho anh chị trả dần hàng tháng, mỗi tháng sắp xếp được bao nhiêu thì anh chị sẽ trả từng đó vì hiện nay kinh tế gia đình anh chị gặp nhiều khó khăn.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T đối với chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q. Buộc chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[6] Về lãi suất: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện không yêu cầu chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q phải trả lãi suất cho chị Thao, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được chấp nhận, nên chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 4.500.000 đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị T.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. *Căn cứ:* Điều 385, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. *Xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, buộc chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị N và anh Đinh Viết Q phải chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 1.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0009715 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

4. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

5. *Hướng dẫn thi hành án:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Ngọc Oanh